

KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỪ LÁY VÀ SỰ THỂ HIỆN CỦA NÓ TRONG PANTUN MELAYU

Trần Thuý Anh (*)

Có thể nói muốn hiểu biết về tình cảm của người Melayu xem dồi dào thắm thiết, sâu sắc đến mức độ nào, rung động nhiều hơn về những khía cạnh nào của cuộc đời thì không thể nào không nghiên cứu Pantun Melayu. Pantun Melayu là những bài tình tứ, là khuôn thước cho lối thơ trữ tình của người Melayu. Ngoài sự biểu hiện đời sống tình cảm, đời sống vật chất của con người, Pantun còn phản ánh ý thức lao động, sản xuất của người Melayu.

Khi đọc Pantun chúng ta thấy xuất hiện rất nhiều từ láy và chúng đem đến cho thơ ca những giá trị nghệ thuật thực sự. Có thể nói ở đâu có từ láy và sự xuất hiện của nó thì dòng, câu và bài pantun đó sinh động hẳn lên.

1. Các kiểu từ láy trong Pantun Melayu

Các nhà ngôn ngữ học Malaysia cho rằng láy là kết quả của sự nhân đôi và sự nhân đôi có thể hoàn toàn hoặc một bộ phận. Quá trình nhân đôi này liên quan tới toàn bộ từ được gọi là láy toàn phần hoặc liên quan đến một bộ phận gốc từ được gọi là láy bộ phận.

Phương thức láy trong tiếng Melayu được sử dụng để cấu tạo nên các từ mới, nó có chức năng như là xác định từ hoặc thay đổi nhóm từ. Trong tiếng Melayu “láy là quá trình nhân đôi đơn vị gốc” là cách nói có thể chấp nhận được. Tất cả

các từ láy có đơn vị gốc đã có sẵn trong tiếng Melayu đều được hình thành bằng cách nhân đôi đơn vị gốc theo những quy tắc nhất định. Qua xem xét tư liệu, chúng tôi thấy rằng không có từ láy nào không được sinh ra trên cơ sở một đơn vị gốc sẵn có. Từ láy trong tiếng Melayu được hình thành trên cơ sở đơn vị gốc có thể là các hình vị gốc hoặc có thể là một đơn vị phái sinh. Tổng số từ láy trong quyển “Kumpulan Pantun Melayu” là 315 từ với 468 lần xuất hiện.

1.1. Láy hoàn toàn

Đặc điểm chung về hình thức của từ láy hoàn toàn được biểu hiện ở chỗ, các đơn vị trong từ láy về cơ bản có sự giống nhau hoàn toàn. Trong pantun Melayu có 161 từ láy hoàn toàn với 260 lần xuất hiện.

Ví dụ:

*Putih cahaya si kunang-kunang.
Sáng trắng con đom đóm*

Hay trong một bài pantun cả bốn dòng thơ đều chứa từ láy:

*Cuba-cuba bertanam mumbang,
Thử xem trông dừa non có được không
Moga-moga tumbuh kelapa;
Mong sao cho dừa ra quả
Cuba-cuba bertanam sayang,
Thử xem vun đắp tình cảm có được không
Moga-moga menjadi cinta.
Mong sao cho trở thành tình yêu*

(*) ThS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

Từ láy hoàn toàn dùng để biểu thị những ý nghĩa sau:

+ Biểu thị tên gọi sự vật: *rama-rama* (con bướm), *kunang-kunang* (con đom đóm)

+ Biểu thị số nhiều của sự vật, hiện tượng: *budak-budak* (những đứa trẻ), *hari-hari* (hàng ngày)...

+ Biểu thị mức độ tăng lên của các tính chất trạng thái: *hijau-hijau* (rất xanh), *tinggi-tinggi* (rất cao)...

1.2. Từ láy bộ phận

Nếu như từ láy hoàn toàn là những từ láy mà về mặt hình thức, đơn vị gốc được giữ lại toàn bộ ở đơn vị láy thì từ láy bộ phận chỉ giữ lại một bộ phận nào đó của đơn vị gốc mà thôi. Tổng số từ láy bộ phận là 133 từ với 182 lần xuất hiện.

1.2.1. *Láy âm tiết chính*: (gốc từ của từ phái sinh): Loại láy này xảy ra đối với tất cả các từ phái sinh có các tiền tố *me-*, *ber-*, *ter-*.

Nếu đơn vị gốc là từ phái sinh thì ở đơn vị láy chỉ có âm tiết chính (gốc từ) được lặp lại là thôi nhưng vị trí lặp lại sẽ khác nhau

Đứng sau đơn vị gốc (từ phái sinh) có 105 từ với 150 lần xuất hiện

+ Láy có tiền tố *ber-*

Berakit-rakit ke hulu,
Chèo bè tới thượng nguồn
Berenang-renang ke tepian;
Bơi lội bên bờ sông
Bersakit-sakit dahulu,
Đau khổ đau khổ trước
Makanya senang kemudian.
Hưởng hạnh phúc mai sau

+ Láy có tiền tố *se-*

Sekenyang-kenyang Sang Banting,
No nê Sang Banting,
Rumput tua, dimamah juga;
Cỏ già tiếp tục ăn;
Setinggi-tinggi melenting,
Nhảy lên cao cao ngất,
Jatuhnya ke tanah jua.
Sẽ chỉ ngã xuống đất.

+ Láy có tiền tố *me-*

Kalau pergi ke Teluk Mas,
Nếu đi tới Teluk Mas,
Berhenti di bawah pohon terap;
Xin dừng dưới cây terap;
Tuan umpama songket emas,
Anh như songket vàng,
Terang cahaya merelap-relap.
Phát ra tia lấp lánh.

+ Láy có hậu tố *-an*

Halia ini *tanam-tanaman*,
Cây gừng này là cây trồng,
Di barat sahaja akan tumbuhnya;
Ở phía đông mầm mới nảy;
Dunia ini *pinjam-pinjaman*,
Thế giới này vay lẫn nhau,
Akhirat juga akan sungguhnya.
Thế giới bên kia cũng vậy.

Ý nghĩa:

+ Chỉ hành động tiếp diễn, được lặp đi lặp lại nhiều lần hoặc được thực hiện ở mức cao, dữ dội, mạnh mẽ: *berenang-renang* (bơi đi bơi lại).....

+ Chỉ hành động tương hỗ giữa các chủ thể: *berkawan-kawan* (làm bạn với nhau)....

+ Chỉ một hành động kéo dài: *mengata-ngata* (nói mãi)....

Đứng trước đơn vị gốc có 28 từ với 32 lần xuất hiện

Các dẫn chứng tìm được cho thấy đối với trường hợp thành tố láy đứng trước thành tố gốc chỉ xảy ra đối với hai loại tiền tố đó là *me-* và *ber-*. Trong tiếng Melayu từ láy đối với tiền tố *ber-* mà gốc từ đứng sau thì rất ít xảy ra chỉ có một số trường hợp như sau: *adik-beradik*, *anak-beranak*, *antah-berantah*. Chỉ có 2 trường hợp trong cuốn “Kumpulan Pantun Melayu, đó là: *adik – beradik*, *antah – berantah*.

Nak dulang diberi dulang,
Mong ước khay được tặng khay,
Dulang isi antah-berantah;
Khay này chứa đầy hat gao;
Nak pulang kuberi pulang,
Mong trở lại em cho quay lại,
Mari kuhantar gajah putih.
Đến đây em gửi cho voi trắng.

- Ví dụ từ láy mà yếu tố láy đứng trước yếu tố gốc:

Sandar-menyandar di batang pisang,
Dưa dấm vào thân cây chuối,
Timpa-menimpa di batang padi;
Đâm sầm vào thân cây lúa;
Tembak dengan peluru petunang,
Phát bắn bằng đạn bùa mê,
Kena tak kena, ular pun mati
Trúng hay không rắn cũng chết.

1.2.2. Từ láy bộ phận điệp vần: có 1 trường hợp *alang-kepalang* (nửa vời)

Alang di sebelah *alang*,
Xà ngang bên cạnh xà ngang,
Anak ikan kena *lukah*;
Con cá con đụng phải lưới;

Jangan tuan *alang-kepalang*,
Anh đừng nửa vời như vậy,
Jangan diduga laut *Mekah*.
Đừng đo độ sâu biển *Mecca*.

1.2.3. Từ láy điệp phụ âm đầu: có 2 trường hợp

sanak - saudara (họ hàng)
riuh-rendah (âm ĩ)

Về mặt ngữ nghĩa, các từ láy hai loại nói trên thường biểu thị những thuộc tính, trạng thái, đặc điểm, cách thức diễn ra mang tính chất không cố định của các sự vật, hành động.

1.2.4. Từ láy bộ phận đôi vần không theo khuôn.

Trong pantun Melayu chúng tôi đếm được 14 từ láy loại này và số lần xuất hiện là 18.

Từ láy bộ phận đôi vần không theo khuôn trong tiếng Melayu có đặc điểm cấu tạo như sau: Phụ âm đầu của đơn vị gốc được giữ lại ở đơn vị láy, bộ phận khuôn vẫn giữa các đơn vị của từ láy được biến đổi để tạo thành thế đôi, nhưng sự biến đổi này không diễn ra ở toàn bộ bộ phận khuôn vẫn mà chỉ diễn ra ở nguyên âm. Như vậy, về mặt cấu tạo chúng ta có từ láy bộ phận đôi chính âm. Ở mô hình này sự biến đổi các nguyên âm trong nhiều trường hợp có tính tương ứng rất cao và vì vậy hoàn toàn có thể nói tới tính quy luật của chúng. Bước đầu có thể ghi nhận tính quy luật của các tương ứng sau:

Tương ứng *-u-* với *-a-*: *gerdum-gerdam* (âm ầm), *lengung-lengang* (trầm nga trầm ngâm), *remuk – redam* (võ tan tành), *lalu-lalang* (đi qua đi lại)

Tương ứng -a- với -i-: *ulang-alik*
(quay đi quay về)

Tương ứng -a- với -u-: *lekak-lekuk*
(gập gà gập gheh), *lengkang-lengkung*
(leng ca leng keng), *renang - renung* (suy
đi nghĩ lại), *deram-derum* (ùm ùm âm
âm), *tebang- tebuk* (chặt đi chặt lại)

Tương ứng -i với -a-: *kelip - kelau*
(long la long lanh)

Tương ứng -o- với -a-: *komit - kamit*
(lầu bà lầu bầu), *lenggong - lenggang*
(ưỡn a ưỡn ẹo)

Tương ứng -a- với -o-: *orak - orek*
(tháo ra tháo vào)

Qua sự phân tích trên chúng ta thấy nguyên âm /a/ có âm sắc trung hoà và là nguyên âm có độ mở rộng nhất, vang nhất. Chính vị trí này của /a/ đã làm cho nó có thể bắt quan hệ với các nguyên âm ở các hàng khác. Những từ láy kiểu như thế này mang nghĩa “chỉ tính chất của sự việc”, “ý nghĩa hoạt động”.

1.3. Láy có phụ tố chen vào giữa

Đơn vị láy bao gồm đơn vị gốc cộng với trung tố -em- và nguyên âm của âm tiết đầu tiên của đơn vị láy đã bị lược bỏ khi thêm trung tố -em-. Khi phát âm âm “e” của trung tố-em- cũng bị nhược hoá và biến đổi thành âm “ơ” Có 4 từ với 8 lần xuất hiện

tali (dây) → *tali-temali* (nhiều loại dây)

gilang (sáng sủa) → *gilang-gemilang*
(sáng chói)

gulung (cuộn) → *gulung-gemulung*
(cuồn cuộn)

gerap (vui) → *gerap - gemirap*
(vui thích)

Tinggi bukit *gilang-gemilang*,
Trên đồi nắng chói chang,
air laut *tenang-tenangan*;
Dưới biển nước lãng lãng;
Budi sedikit tidakkan hilang,
Nhân cách sẽ không mất,
Itu menjadi *karang-karangan*.
Nó trở thành tư chất.

Dạng láy này nghĩa chỉ số nhiều và chỉ tính chất.

2. Vị trí của từ láy trong dòng và những giá trị của nó

2.1. Từ láy đầu dòng và giá trị của nó

Qua lần nghiên cứu khảo sát này chúng tôi chọn cuốn “Kumpulan Pantun Melayu” (Tuyển tập Melayu) trong đó có 28.006 từ và số từ láy là 315 từ (468 lần xuất hiện) chiếm 1,12% tổng số từ trong cuốn đó.

Cuốn “Kumpulan Pantun Melayu” có 7001 dòng thơ, nhưng không phải dòng thơ nào cũng có từ láy tham gia. Nếu tiến hành so sánh, dòng từ láy với dòng không có từ láy thì người đọc thấy được dòng thơ có từ láy sinh động hơn. Trong từ láy bao gồm hai nét nghĩa: cụ thể và trừu tượng, chính nét nghĩa trừu tượng đã có tác động mạnh đến người đọc, tạo ra trong họ sự băn khoăn, liên tưởng, tức là tạo ra sự suy nghĩ cho người đọc. Trong tiếng Việt từ láy thường đứng trước hoặc sau danh từ mà nó chỉ định còn ở tiếng Melayu thì từ láy có chức năng xác định từ hoặc thay đổi nhóm từ.

Trong Pantun Melayu có 153 từ láy đứng ở vị trí đầu dòng với số lần xuất hiện là 227. Từ láy đứng ở đầu dòng gồm

các từ loại sau: danh từ, động từ, tính từ và số từ.

Đối với từ láy là danh từ thì tất cả các từ đó đều là danh từ chỉ tên sự vật và làm chủ ngữ trong câu:

Tebu bukannya bangkut,
Cây mía không phải còi cọc,
Rama-rama terbang ke kuala;
Bướm bướm bay ra cửa sông;
 Bukan kami penakut,
Không phải chúng tôi hèn nhát,
 Berani berkorban nyawa.
Mà dũng cảm hy sinh thân mình.

- Đối với từ láy là động từ có những trường hợp xảy ra sau đây:

+ Câu thiếu chủ ngữ: chủ ngữ ở đây là chủ ngữ rút gọn và trong các câu đó có ý nghĩa miêu tả, tính chất và quá trình.

Pilih-pilih tempat mandi,
Lựa chọn nơi để tắm,
 Pertama teluk kedua pantai;
Nhất vịnh, nhì bờ biển;
Pilih-pilih tempat menjadi,
Để lựa chọn người vợ,
 Pertama elok kedua pandai.
Nhất tốt, nhì thông minh.

Trong câu *pilih-pilih tempat memandi* (Lựa chọn nơi tắm) với chủ ngữ zero. Chủ ngữ này có đặc điểm là người nói hướng tới sự tồn tại của hiện tượng chứ không chú ý đến bản thân hiện tượng.

+ Từ láy động từ đứng ở vị trí đảo ngược cú pháp như:

Kunang-kunang di atas bukit,
Đom đóm ở trên đồi,
 Uratnya pula turun ke lembah;
Cây urat trườn xuống bãi cỏ;

Bersenang-senang saya sedikit,
Tôi ước mong chỉ chút ít,
 Saya hendak berdatang sembah.
Tôi muốn có sự tôn kính.

Bersenang-senang saya sedikit, chủ ngữ là saya (tôi) và *bersenang-senang* (ước mong) đóng vai trò vị ngữ. Trật tự của câu đã bị đảo lên theo Vị ngữ - Chủ ngữ. Theo đúng cú pháp thì câu trên sẽ được diễn tả như sau; Saya *bersenang-senang* sedikit.

Đối với bài pantun này cũng vậy vị trí đảo ngược ngữ pháp lại được sử dụng và đã khiến cho bài pantun sinh động hơn lên:

Berkawan-kawan perahu nelayan,
Bè bạn với thuyền là ngư dân,
 Tinggalkan teluk masuk harungan;
Rời khỏi vịnh đi vào chỗ cạn;
Merawan-rawan lagu nelayan,
Bài hát làm buồn lòng ngư dân,
 Bayangkan cinta kenang-kenangan.
Phản ánh tình yêu là nhớ nhung.

Thực chất là trong câu *Berkawan-kawan* perahu nelayan thì nelayan (người ngư dân) là chủ ngữ còn vị ngữ là *berkawan-kawan* (làm bạn với) và *perahu* (con thuyền) là bổ ngữ. Nhưng các vị trí này đã thay đổi cho nhau theo công thức như sau: Vị ngữ + Bổ ngữ + Chủ ngữ.

- Đối với từ láy tính từ thì tất cả các trường hợp đứng đầu dòng đều đứng ở vị trí đảo ngược cú pháp. Khi đọc trường hợp dưới đây chúng ta sẽ thấy láy đem đến cho độc giả sự xúc cảm cao hơn.

Tinggi-tinggi pohon delima,
Cao cao cây lựu,

Ketiga cabang keempat candik;
Cành thứ ba vợ thứ tư;
 Saya pergi tiadalah lama,
Tôi ra đi không lâu,
 Ketiga bulan keempat balik.
Đi ba tháng, tháng thứ 4 trở lại.

Có những bài pantun mà từ láy danh từ, động từ đều ở vị trí đầu dòng tạo cho bài pantun có những cảm xúc mạnh mẽ:

Baik-baik belayar malam,
 Cẩn thận rong thuyền về đêm,
 Arusnya deras, karangnya tajam;
San hô nhọn, dòng nước xoáy;
Cari-cari mualim yang faham,
Kiểm tìm người lái đoán biết,
 Di situlah banyak kapal tenggelam.
Nơi đó có nhiều thuyền đắm.

Tại vị trí đầu dòng thơ, từ láy được tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật đảo ngược trật tự ngữ pháp. Nghĩa là thông thường theo ngữ pháp tiếng Melayu thì tính từ *baik-baik* đứng sau động từ. Nhưng với thủ pháp đảo ngược từ láy lại đứng trước các đối tượng đó đem đến cho ta sự xúc cảm cao hơn.

Ngoài ra từ láy đầu dòng còn làm nhiệm vụ ngắt nhịp, mỗi từ láy là đơn vị để ngắt nhịp, như: Tinggi - tinggi/si matahari (4//5).

Do vậy, khi từ láy đứng ở vị trí đầu dòng thì có nghĩa là, tất cả các yếu tố trong dòng thơ đều ít nhiều có sự tác động của nó. Cùng với vị trí đầu dòng, với tác dụng của nó như đã nêu, toàn bộ âm thanh và “tính suy nghĩ” như được dồn lên phía trước rồi bắt đầu từ đó lan toả ra khắp cả dòng thơ. Không những thế đặt vị trí ở đầu câu, từ láy đã phá vỡ

trật tự trung tính của câu pantun, đưa lại sự nhấn mạnh về ý. Câu pantun tràn ngập âm hưởng .

2.2. Từ láy cuối dòng và giá trị của nó

Từ láy cuối dòng lại là một vị trí đặc biệt. Vị trí cuối dòng là vị trí chứa đựng vần và đồng thời chứa đựng nhịp. Tại vị trí này bất cứ yếu tố nào cũng có tác dụng nhấn mạnh, nâng cao âm hưởng câu pantun. Tuy âm thanh không phải là yếu tố mang nội dung thông báo, nhưng lại có tác dụng rất lớn đến tình cảm người đọc, làm cho thông báo đi vào lòng người một cách sâu sắc hơn. Vì thế vần và nhịp được hội tụ lại để tăng thêm tính biểu cảm của thơ ca. Chính từ láy ở cuối dòng là cầu nối liền giữa hai dòng thơ với nhau. Do vậy từ láy không chỉ đảm nhận tốt chức năng của mình mà còn mở rộng mối quan hệ với dòng thơ sau bằng chính ấn tượng thính giác đặc biệt do nó đem lại. Có 196 từ láy cuối dòng với 233 lần xuất hiện.

2.2.1. Tạo vần

Do đặc điểm cấu trúc của pantun Melayu có vần theo dạng *ab ab* nên các từ láy cuối dòng đều có nhiệm vụ tạo vần trong bài pantun.

Laksamana berbaju besi,
Đô đốc mang áo sắt,
 Masuk ke hutan *melanda-landa;*
Vào rừng để chiến đấu;
 Hidup berdiri dengan saksi,
Sống dựa vào nhân chứng,
 Adat berdiri dengan *tanda.* (45)
Phong tục dựa dấu hiệu.

Một đặc điểm nổi bật là từ láy cuối dòng thứ 3 thường có hai loại như sau:

+ Nếu từ láy đứng ở vị trí cuối dòng thứ ba thì tất cả các âm cuối của bài pantun hiệp vần với với nhau và đều chứa âm /a/. Loại này có 9 trường hợp, như:

Sirih kuning dalam *lalang*,
Lá trầu vàng trong đám cỏ tranh,
 Jatuh sehelai ditepuk *hujan*;
Rơi một chiếc bị mưa làm rách;
 Putih kuning *lalu-lalang*,
Trắng cùng vàng lẫn lộn với nhau,
 Bagai kilat nak *hujan*.
Như tia chớp mong trời mưa xuống.

+ Từ láy cuối dòng 3 hiệp vần với từ cuối dòng 1 nhưng cặp nguyên âm không toàn /a/ mà là /a/-/i/. Loại này có tới 11 trường hợp:

Tanam balik buah *peria*,
Trồng lại cây mướp đắng,
 Buah *peria* mahal *sekali*;
Mướp đắng thì đắt nhất;
 Buat baik *berpada-pada*,
Làm điều tốt vừa phải,
 Buat jahat jangan *sekali*.
Làm điều xấu thì đừng.

Phương thức láy trong tiếng Melayu được sử dụng để cấu tạo nên các từ mới, nó có chức năng như là xác định từ hoặc thay đổi nhóm từ. Do vậy chúng ta có từ láy động từ, từ láy danh từ, từ láy tính từ... Theo quan sát của chúng tôi, có một tình hình đáng quan tâm là khi ở cuối dòng là từ láy danh từ thì từ hiệp vần với nó cũng là danh từ. Chúng tôi đã thống kê được trong số 25 trường hợp thì 22 trường hợp là danh từ chỉ có 3 trường hợp ngoại lệ. Ví dụ:

Putih cahaya si *kunang-kunang*,
Trắng lấp lánh con đom đóm,

Terbang hinggap di dahan kayu;
Bay đậu ở trên cành cây;
 Di antara sirih beradat *pinang*,
Lá trầu đi cùng với cau,
 Di jari sepuluh sembah berlalu.
Ngón 10 lời cầu truyền qua.

kunang-kunang (con đom đóm) là từ láy danh từ gọi tên sự vật trong đó *pinang* cũng là danh từ có nghĩa quả cau.

2.2.2. Tạo nhịp

Không chỉ có từ láy đứng đầu dòng tạo nhịp mà đứng ở vị trí cuối dòng từ láy cũng có chức năng tạo nhịp. Ví dụ: *Masuk ke hutan melanda-landa (5//5)*. Như ta đã biết, nhịp cơ bản trong ca dao là nhịp chẵn (2/2). Nhịp chẵn có tác dụng đem lại cho cấu thơ tính nhịp nhàng uyển chuyển, song cũng dễ đưa lại sự đơn điệu. Trong pantun, người sáng tác cũng lưu giữ những trường hợp nhịp chẵn nhưng cũng tạo ra những nhịp lẻ. Việc thay đổi này càng khẳng định vai trò của nhịp trong việc biểu đạt và biểu cảm.

Cũng giống như một số trường hợp từ láy đầu dòng, từ láy cuối dòng cũng ở vị trí đảo ngược trật tự ngữ pháp như trường hợp: *Putih cahaya si kunang-kunang* (trắng lấp lánh con đom đóm). Dưới góc độ nghệ thuật, những tác phẩm hay thường có kết cấu theo kiểu đảo ngược trật tự ngữ pháp. Người đọc luôn luôn phải trần trở, luôn luôn phải liên hệ, phán đoán, tình huống xảy ra không chỉ có một, vấn đề phải lặp đi lặp lại nhiều lần và cứ mỗi lần như thế lại có một sự biến cải, tạo ra cái bất ngờ. Chỉ có trên cơ sở như thế, tác phẩm mới có thể lôi cuốn được độc giả, gây cho họ những xúc cảm lớn, kích thích sự tìm tòi, lòng

ham muốn hiểu biết và khám phá vốn có trong mỗi người, tạo ra sự hứng thú, mê say v.v...

2.3. Từ láy giữa dòng và các giá trị của nó

Từ láy ở giữa dòng chỉ xuất hiện trong 6 bài pantun (6 từ và 8 lần xuất hiện) chiếm một số lượng không đáng kể và thông thường đứng sau nó là các danh từ và làm nhiệm vụ tạo vần. Đó là vần lưng. (Trong tiếng Melayu tồn tại hai cặp từ hiệp vần hoàn toàn, khác với tiếng Việt đó là những trường hợp điệp từ).

Lepas *mas-mas* pula,
Hết vàng lại gặp được vàng,
 Mas sekupang di dalam cerana;
Đồng tiền vàng trong cơi trâu;
 Lepas *maaf-maaf* pula,
Hết xin lỗi lại phải xin lỗi,
 Maaf seorang maaf semua.
Xin lỗi một người xin lỗi tất cả.

Như vậy, từ láy chẳng những tham gia một số lượng lớn trong pantun mà còn có thể nói có hầu hết các kiểu từ láy vốn có trong tiếng Melayu (chúng tôi không thấy xuất hiện trường hợp láy phụ âm đầu). Tại các vị trí khác nhau trong mỗi dòng pantun, bài pantun mà nó tham gia: đầu dòng, cuối dòng, giữa dòng, đứng ở vị trí thông thường hay đảo ngược ngữ pháp.v.v. từ láy luôn luôn thể hiện rõ bản chất của mình là những từ miêu tả - mang đặc trưng miêu tả. Có thể nói rằng, ngoài giá trị tạo nên thông báo như mọi yếu tố ngôn ngữ khác, từ láy còn mang trong mình giá trị biểu cảm rất lớn. Không phải ngẫu nhiên mà mảnh đất văn học nói chung, thơ ca nói riêng chính là nơi nó tồn tại và phát triển của từ láy. Vì những lẽ đó mà ta có thể nói rằng, từ láy là những đơn vị nghệ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdullah Hassan, Aion Mohd, *Bahasa Melayu untuk Maktab Perguruan*, Penerbit Fajar Bakti Sdn, Bhd, Kuala Lumpur, 1994.
2. Asmah Haji Omar, Rama Subbiah, *An Introduction to Malay Grammar*, Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur, 1968.
3. Asmah Haji Omar, *Nahu Melayu mutakhir*, Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur, 1993.
4. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tập I, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.
5. Mai Ngọc Chừ, *Cộng đồng Melayu những vấn đề ngôn ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2002.
6. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Đại học và GDCN, Hà Nội, 1990.
7. Đỗ Hữu Châu, *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1997.
8. Nguyễn Thiện Giáp, *Cơ sở ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1998.

9. Nguyễn Thị Hai, Mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiếng trong từ láy đôi (so sánh với từ ghép song song), *Ngôn ngữ*, số 2/1988.
10. Hoàng Văn Hành, Về hiện tượng láy trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, 2/1979.
11. Hoàng Văn Hành, *Từ láy trong tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội, 1985.
12. Nguyễn Hữu Hoàn, *Tiếng Katu cấu tạo từ*, NXB KHXH, Hà Nội, 1995.
13. Phan Văn Hoàn, *Từ láy trong tiếng Việt và sự cần thiết phải nhận diện nó*, *Ngôn ngữ* 4/1985.
14. Nguyễn Văn Lợi, Từ láy và từ trong tiếng Mèo, *Ngôn ngữ* 2/1974
15. Nik Safiah Karim, *Tatabahasa Dewan*, Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur, 1997.
16. Plam Ju.Ja, Mấy đặc điểm cấu tạo từ trong các ngôn ngữ đơn lập ở Đông Nam Á, *Ngôn ngữ* 4/1985.
17. Zainal Abidin Bakar, *Kumpulan Pantun Melayu*, Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur, 1983
18. VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXII, N_o2, 2006

ACTIVITY CAPABILITY OF REDUPLICATION WORD AND ITS EXPRESSION IN MALAY PANTUN

MA. Tran Thuy Anh

College of Social Sciences and Humanities, VNU

Reduplication word played important role in Malay Pantun. At the different position in a pantun line: the first , the end or middle of the line, casual position or into reverse grammar oder, reduplication word often expressed its character that was a description word or specific description. Look like an other element , reduplication word valued communication character. However, reduplication word took an expressive style. That's why , the literature in general and specific poem used to be a place for reduplication word developed. Reduplication word are art unit.